TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ML** **TỈNH SL**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2020/HNGĐ-ST
Ngày 14/9/2020
V/v: Ly hôn giữa chị K và anh T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Quàng Văn Mầng.

2 – Ông Lò Văn Khẹt.

- Thư ký phiên toà: Bà Quàng Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2020/TLST–HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020 về việc: Tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị QTNK. Trú tại: Bản P, xã CN, thành phố SL, tỉnh SL. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh ĐVT. Trú tại: Bản P, xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Công an tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông ĐVvà anh ĐVM, trú tại: Bản P, xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/8/2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị QTNK trình bày:

Chị và anh ĐVT kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 26/02/2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CN, thành phố SL, tỉnh SL. Quá trình chung sống, hòa thuận hạnh phúc thời gian đầu, sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh ĐVT ham chơi, nghiện ma túy, không chăm lo xây dựng

gia đình. Mâu thuẫn đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên giải nhiều lần, ngày 29/6//2020 bị Tòa án nhân dân thành phố SL, tỉnh SL xử 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn anh ĐVT.

Về con chung: Có hai con là Đèo Thị Tường Vy, sinh ngày 16/01/2011 và Đèo Văn Đức Nhật, sinh 06/01/2014. Chị xin trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục hai con. Chị không yêu cầu anh ĐVT cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Chị QTNK không lấy gì, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Đối với khoản vay 40.000.000,đồng theo chị không phải là vay tiền mà do anh ĐVT nợ nần, bố, anh chị thương trả hộ 50.000.000, đồng bản thân chị đã trả cho bố chồng và anh chồng là ông ĐVvà anh ĐVM 10.000.000, đồng, nay chị không nhất trí thanh toán trả cho một nửa.

Đối với khoản tiền 74.000.000, đồng mà anh ĐVT đưa ra yêu cầu chị trả sau khi trừ đi 4.900.000, đồng lương anh ứng ở công ty nơi anh làm việc, trừ đi 16.000.000, đồng anh ĐVT lấy trong thẻ của vợ. Nay còn 53.000.000, đồng phải trả cho anh ĐVT chị không nhất trí vì thực tế chị không được cầm giữ số tiền này, việc anh ĐVT đi làm bị công ty không trả tiền không liên quan đến chị. Bản thân chị nhiều năm phải nuôi con một mình, anh ĐVT chơi bời nghiện ngập đã không chăm lo gì con cái, nay còn đòi vô lý chị không đồng ý.

Đối với chiếc xe máy hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 26K7-9180. Thực tế là của bố chị mua cho chị khi đi lấy chồng, chiếc xe này anh ĐVT mang đi cắm nhiều lần, rồi chị lại chuộc về. Thực tế hiện nay anh ĐVT mang đi cắm ở đâu chị không biết, việc anh ĐVT yêu cầu chị lấy xe về để giải quyết chị không làm được vì không biết ở đâu. Nay chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về chiếc xe này.

Bị đơn anh ĐVT trình bày: Anh xác nhận về quan hệ hôn nhân và công nhận mâu thuẫn vợ chồng như chị QTNK trình bày, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và về việc ly hôn anh không nhất trí.

Về con chung: Có hai con là Đèo Thị Tường Vy, sinh ngày 16/01/2011 và Đèo Văn Đức Nhật, sinh 06/01/2014. Chị QTNK xin trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục hai con. Chị không yêu cầu anh ĐVT cấp dưỡng nuôi con, anh ĐVT nhất trí vì hiện nay đang đi cải tạo.

Về tài sản chung, riêng: Anh công nhận như chị QTNK đã khai trên, cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Đối với khoản vay 50.000.000, đồng là vay của ông ĐVvà anh ĐVM, bản thân chị QTNK đã trả ông ĐVvà anh ĐVM 10.000.000, đồng.

Đối với khoản tiền 74.000.000, đồng anh ĐVT yêu cầu chị QTNK trả sau khi trừ đi 4.900.000, đồng lương anh ứng ở công ty nơi anh làm việc, trừ đi 16.000.000, đồng anh ĐVT lấy trong thẻ của vợ. Nay còn 53.000.000, đồng phải

trả cho anh ĐVT. Lý do vì chị QTNK làm thất thoát anh không lấy được số tiền này.

Đối với chiếc xe máy hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 26K7-9180 anh ĐVT yêu cầu chị lấy xe về để giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông ĐVvà anh ĐVM trình bày: Năm 2017 anh ĐVT và chị QTNK Nợ Ngân hàng số tiền 50.000.000,đồng. Nhưng không trả được, nếu không trả được Ngân hàng không cho bản (tổ vay vốn) vay tiếp nên gia đình ông đã trả hộ khoản nợ này, sau đó chị QTNK đã trả cho gia đình ông 10.000.000, đồng. Nay còn nợ 40.000.000, đồng. Nay hai người ly hôn chúng tôi yêu cầu mỗi người phải trả cho chúng tôi một nửa.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ Điều 37, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

Xử cho chị QTNK được ly hôn anh ĐVT.

Về con chung: Giao cho chị QTNK trực tiếp nuôi cháu Đèo Thị Tường Vy, sinh ngày 16/01/2011 và Đèo Văn Đức Nhật, sinh 06/01/2014. Anh ĐVT không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Đều không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ:

Chị QTNK có trách nhiệm trả ông ĐVvà anh ĐVM số tiền 15.000.000, đồng (mười lăm triệu đồng);

Anh ĐVT trả ông ĐVvà anh ĐVM 25.000.000, đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Không đủ căn cứ chấp nhận của anh ĐVT về yêu cầu chị QTNK có trách nhiệm trả anh ĐVT số tiền 53.000.000, đồng (năm mươi ba triệu đồng).

Không đủ căn cứ chấp nhận của anh ĐVT về yêu cầu giải quyết chiếc xe máy hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 26K7-9180.

Về án phí: Chị QTNK phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Anh ĐVT sau khi nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã khai trình bầy nguyện vọng, anh ĐVT yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định của khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ để xét xử vắng mặt anh ĐVT.

Chị QTNK đề nghị không hòa giải, Tòa án đã lập biên bản không hòa giải được theo quy định khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông ĐVvà anh ĐVM đều có đề nghị xử vắng mặt. Căn cứ quy định của Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ để xét xử vắng mặt những người liên quan.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị QTNK và anh ĐVT có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do anh ĐVT không chăm lo xây dựng gia đình, đi vào con đường nghiện ma túy, dẫn đến phạm tội, hiện đang chấp hành hình phạt tù, mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Ủy ban nhân dân xã MC, huyện ML xác định nguyên nhân của sự phát sinh tranh chấp và nguyện vọng của vợ, chồng, con của chị QTNK và anh ĐVT như trên là đúng.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị QTNK và anh ĐVT đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị QTNK yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị QTNK được ly hôn anh ĐVT.

[3] Về con chung: Chị QTNK xin trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục con và không yêu cầu anh ĐVT cấp dưỡng nuôi con, cần chấp nhận giao cháu Đèo Thị Tường Vy, sinh ngày 16/01/2011 và Đèo Văn Đức Nhật, sinh 06/01/2014 cho chị QTNK trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và anh ĐVT không phải cấp dưỡng nuôi con, theo quy định của các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về nợ chung:

Đối với khoản vay 50.000.000, đồng là vay của ông ĐVvà anh ĐVM, bản thân chị QTNK đã trả ông ĐVvà anh ĐVM 10.000.000, đồng. Xét là có căn cứ theo quy định của Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần chia đôi khoản nợ cho chị QTNK trả ông ĐVvà anh ĐVM 15.000.000, đồng; anh ĐVT trả ông ĐVvà anh ĐVM 25.000.000, đồng.

Đối với khoản tiền 74.000.000, đồng anh ĐVT yêu cầu chị QTNK trả sau khi trừ đi 4.900.000, đồng lương anh ứng ở công ty nơi anh làm việc, trừ đi 16.000.000, đồng anh ĐVT lấy trong thẻ của vợ. Nay còn 53.000.000, đồng phải trả cho anh ĐVT. Lý do vì chị QTNK làm thất thoát anh không lấy được số tiền này. Do chị QTNK không công nhận và thực tế chị không được cầm, bản thân

anh ĐVT cũng công nhận là do công ty không trả cho anh, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của anh ĐVT.

Đối với chiếc xe máy hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 26K7-9180 anh ĐVT yêu cầu chị lấy xe về để giải quyết. Tuy nhiên chị QTNK không công nhận hiện đang giữ và cho rằng anh ĐVT cắm ở đâu không biết. Do tài sản hiện không có nên không có căn cứ xem xét giải quyết yêu cầu này của anh ĐVT.

Chị QTNK phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 37, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

1. Xử cho chị QTNK được ly hôn anh ĐVT.

2. Về con chung: Giao cho chị QTNK trực tiếp nuôi cháu Đèo Thị Tường Vy, sinh ngày 16/01/2011 và Đèo Văn Đức Nhật, sinh 06/01/2014. Anh ĐVT không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng: Đều không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ:

Chị QTNK có trách nhiệm trả ông ĐVvà anh ĐVM số tiền 15.000.000, đồng (mười lăm triệu đồng);

Anh ĐVT trả ông ĐVvà anh ĐVM 25.000.000, đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

5. Không đủ căn cứ chấp nhận của anh ĐVT về yêu cầu chị QTNK có trách nhiệm trả anh ĐVT số tiền 53.000.000, đồng (năm mươi ba triệu đồng).

6. Không đủ căn cứ chấp nhận của anh ĐVT về yêu cầu giải quyết chiếc xe máy hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 26K7-9180.

7. Về án phí:

Chị QTNK phải chịu 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004009 ngày 18/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL.

Chị QTNK được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 14/9/2020. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- UBND xã CN, thành phố SL (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (4);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Minh Tuấn